

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kịch bản điều hành nền kinh tế 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 đạt 10% trở lên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

A. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KỊCH BẢN ĐIỀU HÀNH NỀN KINH TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

1. Việc triển khai kịch bản điều hành nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2026

Triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2026, Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2026, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 16/01/2026 để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2026, trong đó xác định kịch bản tăng trưởng chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực và theo từng quý với mục tiêu tăng trưởng đạt 10% trở lên.

Trên cơ sở kết quả thực hiện trong quý I/2026 (chưa đạt kịch bản đề ra), UBND tỉnh đã chỉ đạo khẩn trương rà soát và ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 21/4/2026 điều chỉnh kịch bản tăng trưởng 9 tháng cuối năm theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng cả năm 2026 đạt 10% trở lên. Theo đó, kịch bản 9 tháng cuối năm của tỉnh được xác định lại như sau:

- GRDP theo giá so sánh năm 2020 trong 9 tháng cuối năm 2026 dự kiến đạt 152.247 tỷ đồng, tăng trưởng GRDP từ 10,64% trở lên, bình quân các quý phải đạt từ 10-11%¹;

- Cơ cấu GRDP theo giá hiện hành đảm bảo theo định hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Cụ thể: (1) Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 37,31%; (2) Công nghiệp - Xây dựng chiếm 18,99%; (3) Dịch vụ chiếm 40,04%; (4) Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,66% (Năm 2025 lần lượt là Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 38,47%;

⁽¹⁾Trong đó: (1) Quý II ước đạt 43.850 tỷ đồng, tăng 10,6% (Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,75%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 18,54%; Dịch vụ tăng 10,29% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,79%). (2) Quý III ước đạt 45.385 tỷ đồng, tăng 11,55% (Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,91%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 22,25%; Dịch vụ tăng 10,56% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,51%). (4) Quý IV ước đạt 63.112 tỷ đồng, tăng 10,02% (Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6,01%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 22,1%; Dịch vụ tăng 9,58% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,78%).

Công nghiệp - xây dựng chiếm 17,67%; Dịch vụ chiếm 40,07%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,79%).

- Điều chỉnh một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2026 như: Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn phải đạt 80.390 tỷ đồng, tăng 30% so với thực hiện năm 2025; Tổng thu ngân sách nhà nước tăng từ 10% trở lên so với năm 2025 (*điều chỉnh từ 18.100 tỷ đồng lên 19.880 tỷ đồng*); Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng từ 12,13% trở lên so với năm 2025; Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 17% so với năm 2025; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 5 - 6% so với năm 2025; Doanh thu du lịch tăng trên 23% so với năm 2025.

Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng lại danh mục dự án động lực, gắn với nguồn lực, tiến độ cụ thể theo từng khu vực, xác định rõ mức độ, giá trị đóng góp vào tăng trưởng để phục vụ sát sao công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Trên cơ sở đó, các sở, ngành, địa phương đã khẩn trương xây dựng kịch bản điều hành chi tiết theo từng tháng, gắn với Danh mục nhiệm vụ cụ thể, chi tiết của đơn vị mình để làm cơ sở triển khai thực hiện².

2. Tiến độ thực hiện kịch bản tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2026

2.1. Đối với chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh:

Theo số liệu do Thống kê tỉnh tạm tính để phục vụ công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2026, tốc độ tăng GRDP theo giá so sánh năm 2020 ước đạt 8,01% (*KBTT: 9,16%*), theo từng khu vực như sau:

- Nông, lâm, thủy sản tăng 5,21% (*KH cả năm: tăng 5,86%, kịch bản 6 tháng: tăng 5,62%*);

- Công nghiệp - xây dựng tăng 11,09% (*KH cả năm: tăng 18,14%, kịch bản 6 tháng: tăng 14,33%*). Trong đó:

+ Công nghiệp tăng 11,36% (*KH cả năm: tăng 15,25%, kịch bản 6 tháng: tăng 11,74%*);

+ Xây dựng tăng 10,36% (*KH cả năm: tăng 23,4%, kịch bản 6 tháng: tăng 21,29%*);

- Dịch vụ tăng 8,38% (*KH cả năm: tăng 9,6%, kịch bản 6 tháng: tăng 9,09%*);

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,52% (*KH cả năm: tăng 6,02%, kịch bản 6 tháng: tăng 5,5%*).

GRDP theo giá hiện hành 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 99.248 tỷ đồng, tăng 12,26% so với cùng kỳ năm 2025. Cơ cấu GRDP theo giá hiện hành 6 tháng đầu năm là: Nông, lâm, thủy sản chiếm 25,09%; Công nghiệp – xây dựng chiếm 21,84%; Dịch vụ chiếm 48,33%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,74% (*cùng kỳ năm 2025 lần lượt là: 26,25% - 21,21% - 47,69% - 4,84%*).

Sau khi Cục Thống kê công bố số liệu GRDP chính thức theo quy định (*theo quy định tại Nghị định số 13/2026/NĐ-CP của Chính phủ, dự kiến Cục Thống kê sẽ*

² Đến nay, 14 sở, ngành, đơn vị và 102 xã, phường đã ban hành kịch bản tăng trưởng năm 2026 của đơn vị, địa phương mình.

thông báo vào ngày 29/6/2026, UBND tỉnh sẽ cập nhật, đánh giá lại tình hình thực hiện và điều chỉnh kịch bản tăng trưởng năm 2026 cho phù hợp.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

2.2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế liên quan:

(1) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ước đạt 23.355 tỷ đồng, giảm 12,06% so với cùng kỳ, đạt 29% kế hoạch và đạt 88,9% kịch bản đề ra (KBTT: 26.286 tỷ đồng).

(2) Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng ước tăng 13,5% so với cùng kỳ, vượt 1,3% so với kịch bản đề ra (KBTT: $\geq 12,2\%$).

(3) Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.577 triệu USD, đạt 54% kế hoạch năm, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2025, vượt 11% so với kịch bản tăng trưởng đề ra (KBTT: 1.420 triệu USD). Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 580 triệu USD, đạt 66,7% kế hoạch năm, tăng 13,9% so với cùng kỳ.

(4) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2026 tạm ước đạt 104.720,8 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước, đạt 47,3% kế hoạch năm, chưa đạt so với kịch bản tăng trưởng đề ra (Kịch bản: 105.187,7 tỷ đồng).

(5) Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 8.922 tỷ đồng, tăng 2,33% so với cùng kỳ năm trước, đạt 52,1% so với dự toán Trung ương giao, đạt 49,3% so với dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 92,5% kịch bản tăng trưởng 6 tháng đề ra (KBTT: 9.641 tỷ đồng). Trong đó:

- Thu nội địa ước thực hiện 8.812 tỷ đồng, tăng 2,79% so với cùng kỳ năm trước, đạt 51,9% so với dự toán Trung ương giao, đạt 49,1% so với dự toán HĐND tỉnh giao, gồm: (i) Thu thuế, phí, lệ phí: 6.520 tỷ đồng, đạt 61,6% so với dự toán Trung ương, đạt 60% so với dự toán HĐND tỉnh giao; (ii) Thu biện pháp tài chính: 2.010 tỷ đồng, đạt 33,6% so với dự toán Trung ương giao, đạt 30,1% so với dự toán HĐND tỉnh giao (trong đó thu tiền sử dụng đất: 1.758 tỷ đồng, đạt 32% so với dự toán Trung ương giao, đạt 28,9% so với dự toán HĐND tỉnh giao); (iii) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 282 tỷ đồng, đạt 70,4% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao;

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 85 tỷ đồng, đạt 57,4% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 20.502 tỷ đồng, đạt 51,3% dự toán Trung ương giao và đạt 49,7% dự toán tỉnh giao; trong đó, chi thường xuyên 13.328 tỷ đồng, đạt 44,3% dự toán Trung ương và tỉnh giao; chi đầu tư phát triển đạt 7.172 tỷ đồng, đạt 77,8% dự toán Trung ương giao và đạt 68,5% dự toán tỉnh giao.

(6) Tổng lượt khách du lịch đến tỉnh đạt 5,33 triệu lượt khách, đạt 56,11% kế hoạch tăng trưởng năm, tăng 37,19% so với cùng kỳ và vượt 15,12% so với kịch bản (KBTT 6 tháng đầu năm 2026: 4,63 triệu lượt khách); trong đó khách quốc tế ước đạt 78.500 lượt, tăng 34,65% so với cùng kỳ; tổng thu từ du lịch ước đạt 9.602 tỷ

đồng, đạt 51% kế hoạch tăng trưởng năm, tăng 37,86% so cùng kỳ, vượt 7,77% so với kịch bản (*KBTT 6 tháng đầu năm 2026: 8.910 tỷ đồng*).

(7) Đến 30/6/2026, tổng nguồn vốn huy động thực hiện ước đạt 177.350 tỷ đồng tăng 6% so với cuối năm 2025 và tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước (*tương ứng giá trị tăng thêm 23.376 tỷ đồng*); dư nợ cho vay ước đạt 281.300 tỷ đồng tăng 8% so với cuối năm 2025 và tăng 16,0% so với cùng kỳ năm trước (*tương ứng giá trị tăng thêm 38.792 tỷ đồng*). Tín dụng có tốc độ tăng trưởng tốt, đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn cho vay phát triển kinh tế tại địa phương; nợ xấu toàn tỉnh ước khoảng 2.800 tỷ đồng, dưới 01% tổng dư nợ, thấp hơn nhiều so với hạn mức cho phép (dưới 3%).

Dư nợ cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh ước đạt 15.850 tỷ đồng, tăng 9,6% so với cuối năm 2025 và tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước (*chủ yếu là cho vay hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cho vay giải quyết việc làm, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường, cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn...*), góp phần thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa bàn, đảm bảo công tác an sinh xã hội, hạn chế tín dụng đen và hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.

(8) Trong 6 tháng, có 1.991 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký khoảng 16.200 tỷ đồng (*tăng 41% về số doanh nghiệp và tăng 8,6% về số vốn so với cùng kỳ*); có 442 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 21% so với cùng kỳ. Đến nay, toàn tỉnh có khoảng 21.218 doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp ngoài tỉnh còn đăng ký hoạt động (*gồm 19.543 doanh nghiệp, 1.675 chi nhánh doanh nghiệp ngoài tỉnh*).

Bên cạnh đó, toàn tỉnh có 41 HTX thành lập mới. Lũy kế đến hết tháng 6/2026, toàn tỉnh có 1.005 HTX đang hoạt động và 255 HTX ngừng hoạt động.

(9) Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 17 dự án, với tổng vốn đăng ký khoảng 6.499,65 tỷ đồng; điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với 33 dự án, trong đó có 09 dự án điều chỉnh tăng vốn với tổng vốn đăng ký tăng thêm hơn 1.133,4 tỷ đồng, góp phần huy động hiệu quả nguồn lực ngoài ngân sách cho đầu tư phát triển, bổ sung năng lực sản xuất mới, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

(*Chi tiết tình hình sản xuất kinh doanh một số ngành, lĩnh vực tại Phụ lục II kèm theo*).

3. Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thúc đẩy đầu tư phát triển:

3.1. Về công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư và giải quyết thủ tục đầu tư các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách:

Trong những tháng đầu năm, UBND tỉnh tổ chức tiếp và làm việc trực tiếp với các Tập đoàn lớn trong và ngoài nước khảo sát tiềm năng đầu tư của tỉnh như: cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại thành phố Đà Nẵng để trao đổi hợp tác trong hoạt động xúc tiến, thu hút nguồn vốn đầu tư vào các dự án trọng điểm, tài chính xanh trên địa bàn tỉnh và Khu Kinh tế Nam Phú Yên; Tập đoàn Samsung và Tập đoàn Sun

Group khảo sát đầu tư tại khu vực phía Đông tỉnh; Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (Viettel Post) về đề xuất về đầu tư xây dựng hạ tầng logistics trên địa bàn tỉnh (cảng cạn ICD)... Đặc biệt tổ chức thành công chuyến công tác của tỉnh đi Các Tiểu vương quốc Ả - rập Thống nhất (UAE) tham dự phiên họp toàn thể Kỳ họp lần 6 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam – UAE và giới thiệu về tiềm năng và cơ hội đầu tư tại tỉnh với các cơ quan về quản lý thương mại và các tập đoàn năng lượng, thực phẩm hàng đầu của UAE.

Theo kế hoạch vào các ngày 26-27/6/2026, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư tỉnh. Tại Hội nghị, UBND tỉnh dự kiến công bố danh mục trên 250 dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 1.033 nghìn tỷ đồng; trao quyết định chủ trương đầu tư, chủ trương khảo sát và bản ghi nhớ đầu tư cho khoảng 57 dự án với tổng vốn dự kiến khoảng 478 nghìn tỷ đồng; tổ chức khởi công, khánh thành và khởi động 21 dự án. Hội nghị được kỳ vọng sẽ tạo động lực mạnh mẽ để huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hình thành các động lực tăng trưởng mới, góp phần thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng kinh tế hai con số.

Bên cạnh đó, để rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đầu tư cho các dự án ngoài ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư, UBND tỉnh đã thống nhất triển khai cơ chế “luồng xanh” rút ngắn 50% thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận/điều chỉnh chủ trương đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh và thủ tục cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan đăng ký đầu tư đối với: (1) Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng cạn, trung tâm logistics; (2) Các dự án nhà ở; (3) Các dự án năng lượng; (4) Các dự án đầu tư khác có tổng vốn đầu tư từ 800 tỷ đồng trở lên. Đồng thời, thí điểm cơ chế “luồng xanh” trong giải quyết thủ tục hành chính đối với các dự án nhà ở xã hội không sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh, phân đầu rút ngắn tối thiểu 50% thời gian giải quyết các thủ tục hành chính đối với các khâu thẩm định, phối hợp, lấy ý kiến, tổng hợp, trình ký, ban hành quyết định thuộc phạm vi thẩm quyền của địa phương.

3.2. Về tháo gỡ vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công:

Để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án trọng điểm, động lực tăng trưởng: Từ đầu năm đến nay, Lãnh đạo tỉnh đã thường xuyên tổ chức kiểm tra thực địa các dự án *(Theo đó, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo 152 đã chủ trì, tổ chức các đoàn kiểm tra, khảo sát thực địa hơn 50 dự án có khó khăn, vướng mắc để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết. Các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tổ chức 05 đoàn kiểm tra đối với 21 dự án đầu tư công chậm tiến độ; trên 10 dự án đầu tư ngoài ngân sách, ...)*.

Đã tổ chức phát động nhiều chiến dịch cao điểm về giải phóng mặt bằng như chiến dịch “30 ngày đêm cao điểm” đối với Dự án Tuyến đường bộ ven biển và chiến dịch “60 ngày đêm cao điểm giải phóng mặt bằng” phục vụ Dự án Khu công nghiệp Hòa Tâm và Cảng Bãi Gốc. Thành lập Tổ công tác phản ứng nhanh, biệt phái cán bộ hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở để tháo gỡ khó khăn phát sinh; tập trung chỉ đạo ban hành hệ số K, điều chỉnh bảng giá đất làm cơ sở thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án; đẩy nhanh tiến độ số hóa số hoá, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai...

- Đối với giải ngân vốn đầu tư công: Cùng với việc tổ chức hội nghị chuyên đề về đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh và tham gia Hội nghị toàn quốc, UBND tỉnh cũng thường xuyên tổ chức họp, làm việc trực tiếp với các chủ đầu tư/ban quản lý dự án được giao kế hoạch với số vốn lớn để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

Xác định việc giải ngân vốn đầu tư công là một trong các nhiệm vụ chính trị hàng đầu, ý thức tỷ lệ giải ngân còn thấp so với yêu cầu đặt ra và so với bình quân chung cả nước, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp, để cải thiện, nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công toàn tỉnh; ban hành Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 04/5/2026 chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026; yêu cầu các chủ đầu tư xây dựng kịch bản, ký cam kết tiến độ giải ngân theo từng tháng, từng quý và duy trì giao ban hằng tuần để kiểm điểm tiến độ thực hiện; điều chỉnh kế hoạch vốn 2026 ngay trong những tháng đầu năm, điều chuyển vốn từ các dự án, chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân thấp sang các công trình, dự án có tiến độ triển khai và giải ngân tốt nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; thực hiện theo dõi kết quả giải ngân các đơn vị theo từng ngày (*qua hệ thống dashboard của tỉnh*); kiên quyết xử lý trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân chậm trễ, thiếu trách nhiệm, xem xét điều chuyển, thay thế cán bộ yếu kém, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2026 tỉnh giao là 10.469,316 tỷ đồng, trong đó: Đã phân bổ chi tiết để triển khai các nhiệm vụ, dự án là 9.608,393 tỷ đồng, đạt 91,78% (*NSTW đã phân bổ 2.224,855/2.403,075 tỷ đồng, đạt 92,58%; NSDP đã phân bổ 7.383,538/8.066,241 tỷ đồng, đạt 91,54%*); số còn lại chưa giao chi tiết là 860,923 tỷ đồng (*NSTW là 178,220 tỷ đồng; NSDP là 682,703 tỷ đồng*). Theo báo cáo của các đơn vị, chủ đầu tư thì ước giải ngân kế hoạch vốn 2026 đến ngày 30/6/2026 là 2.704.457 triệu đồng, bằng 28,33% kế hoạch vốn tỉnh giao và bằng 32,62% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

Song song đó, UBND tỉnh đã ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai cho các đơn vị thực hiện nghiêm việc hạch toán kinh tế - xã hội trong quá trình đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án để lựa chọn danh mục dự án dự kiến bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 và đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn theo yêu cầu tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là cơ sở quan trọng để triển khai các công trình trọng điểm là động lực, đòn bẩy tăng trưởng quan trọng cho tỉnh trong giai đoạn tới.

3.3. Về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng, kéo dài:

Thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về tăng cường rà soát, xử lý các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, có khó khăn, vướng mắc, nguy cơ thất thoát, lãng phí; UBND tỉnh đã tổ chức rà soát, tổng hợp, cập nhật danh mục các dự án trên địa bàn tỉnh để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết³. Việc xử lý các công trình, dự án tồn đọng, kéo dài được thực hiện trên cơ sở kết quả phân loại dự án/công trình theo từng tiêu chí đối

³ Báo cáo số 47/BC-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ), Công văn số 2369/UBND-ĐTKT ngày 10/4/2025 và Công văn số 3535/UBND-ĐTKT ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh Phú Yên.

với từng nhóm vấn đề: (1) Nhóm dự án/công trình chậm tiến độ; (2) Nhóm dự án/công trình tồn đọng, kéo dài; (3) Nhóm dự án/công trình có khó khăn, vướng mắc; (4) Nhóm dự án/công trình hiệu quả thấp, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí.

Qua rà soát bước đầu, UBND tỉnh đã lập danh mục sơ bộ các dự án có khó khăn, vướng mắc, tồn đọng và xây dựng Kế hoạch tháo gỡ khó khăn, vướng mắc⁴ đảm bảo nguyên tắc **“sáu rõ”** (*Rõ thông tin về dự án; rõ tình trạng dự án; rõ nguyên nhân tồn đọng; rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan; rõ nhiệm vụ, giải pháp xử lý; rõ tiến độ, thời hạn hoàn thành việc giải quyết khó khăn, vướng mắc*) và **“một xuyên suốt”** (*mỗi việc chỉ giao cho một người, một tổ chức chủ trì thực hiện và xuyên suốt từ đầu đến cuối*); phân đầu hoàn thành trong **quý III/2026**.

Qua rà soát và triển khai các giải pháp, đến nay, đã hỗ trợ hoàn thiện thủ tục đề đưa vào vận hành **04** dự án điện năng lượng tái tạo gồm: Cư Né 1, Cư Né 2, Không Búk 1, Không Búk 2 (*đã hoàn thành đầu tư xây dựng từ năm 2024*), các vướng mắc liên quan đến các dự án điện năng lượng tái tạo khác cũng đang được tập trung tháo gỡ, kỳ vọng góp phần tạo ra giá trị tăng thêm cho tăng trưởng khu vực công nghiệp; tổ chức khởi công Dự án Khu công nghiệp Phú Xuân gắn với đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (*phần đầu hoàn thành trong quý II/2026*); các dự án PPP cũng đang được tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ triển khai. Đồng thời, căn cứ Nghị quyết số 29/2026/QH16, Nghị định số 147/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP và Nghị định số 122/2026/NĐ-CP, tỉnh đang tập trung xử lý 18 dự án đầu tư còn tồn tại, vướng mắc đã báo cáo Ban Chỉ đạo 751.

3.4. Về khai thác, xử lý các cơ sở nhà đất dôi dư:

Thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Thông báo số 72-TB/BCĐTW, ngày 30/12/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, lãng phí quý II/2026; Công điện số 19/CĐ-TTg ngày 26/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, với tinh thần chỉ đạo quyết liệt, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, xây dựng và triển khai phương án tổng thể sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp bộ máy, đơn vị hành chính bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, tránh lãng phí, thất thoát, đặc biệt là Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 12/05/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *“Đẩy mạnh công tác rà soát, xử lý các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng, kéo dài, có khó khăn, vướng mắc, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí và xử lý các cơ sở nhà, đất, tài sản công dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh”*. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và UBND các xã, phường khẩn trương xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản theo quy định.

Đến nay, toàn tỉnh đã sắp xếp 4.172 cơ sở (bao gồm bổ sung các cơ sở do tiếp nhận từ các cơ quan trung ương), trong đó tiếp tục sử dụng, giao và điều chuyển cho các đơn vị sử dụng là 3.409 cơ sở; chuyển giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất và UBND xã, phường quản lý, xử lý là 726 cơ sở. Đến ngày 15/6/2026 toàn tỉnh còn **03**

⁴ Bao gồm các dự án, đất đai áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết của Quốc hội.

cơ sở nhà, đất chưa triển khai thực hiện đưa vào xử lý, khai thác⁵. Hiện nay, UBND tỉnh đang tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc UBND các xã, phường khẩn trương hoàn thành việc xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư, đảm bảo xác định cụ thể đơn vị được giao thực hiện quản lý, xử lý tài sản, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện khai thác, xử lý.

4. Đánh giá tình hình thực hiện kịch bản tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2026

Tốc độ tăng GRDP 6 tháng đầu năm 2026 ước không đạt kịch bản tăng trưởng đề ra, trong đó các khu vực phần lớn chưa đạt kịch bản. Xét về giá trị, thiếu hụt lớn nhất đều nằm ở các khu vực được xác định là động lực thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh trong giai đoạn này, lần lượt là xây dựng, dịch vụ, nông, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp. Cụ thể đối với từng khu vực, động lực tăng trưởng như sau:

4.1. Đối với khu vực công nghiệp:

GRDP theo giá so sánh năm 2020 ước đạt 12.836 tỷ đồng, đạt 99,66% kịch bản, giá trị thiếu hụt 44,17 tỷ đồng. GRDP theo giá hiện hành ước đạt 15.187 tỷ đồng, vượt 168,18 tỷ đồng so với kịch bản tăng trưởng (*tương ứng 101,09% KBTT*).

a) Đối với việc khai thác các dự án mới:

Theo kịch bản tăng trưởng, lĩnh vực công nghiệp xác định có 27 dự án mới đi vào hoạt động năm 2026 để tạo ra giá trị tăng thêm của khu vực này. Đến nay có 2 dự án hoàn thành cuối năm 2025 và hỗ trợ đưa 07 dự án mới đi vào hoạt động, còn 18 dự án đang triển khai (*Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo*).

b) Tình hình sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

- Sản xuất cà phê duy trì ổn định nhờ nhu cầu thị trường đối với sản phẩm cà phê Robusta ngày càng cao. Ước sản lượng sản xuất quý II đạt 15.056 tấn; lũy kế 6 tháng ước đạt 30.189 tấn, đạt 50,23% kế hoạch năm, tăng 18,15% so với cùng kỳ.

- Chế biến tinh bột sắn: vụ thu hoạch sắn đã kết thúc vào tháng 5/2026; các nhà máy tinh bột sắn trên địa bàn tỉnh sẽ tạm nghỉ để bảo dưỡng máy móc đến hết tháng 8. Ước sản lượng sản xuất trong quý II đạt 32.000 tấn; lũy kế 6 tháng ước đạt 107.490 tấn, đạt 41,41% kế hoạch năm, ước tăng 10% so với cùng kỳ.

- Chế biến mía đường: sản lượng đường sản xuất trong quý II ước đạt 118.000 tấn, lũy kế 6 tháng ước đạt 247.930 tấn, đạt 86,3% kế hoạch năm; tăng 3,02% so với cùng kỳ. Các nhà máy mía đường trên địa bàn tỉnh hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, tồn kho đang ở mức cao kỷ lục đã đẩy doanh nghiệp vào thế khó khi vẫn phải duy trì sản xuất để thu mua mía đã hợp đồng với nông dân nhưng sức tiêu thụ kém do nhu cầu giảm và cạnh tranh không lành mạnh từ đường nhập lậu chưa được kiểm soát tốt.

- Sản xuất bia các loại: Trong quý II, sản lượng bia các loại ước đạt 30 triệu lít, lũy kế 6 tháng ước đạt 56 triệu lít, ước đạt 41,15% kế hoạch năm; tăng 5,33% so với cùng kỳ 2025.

⁵ Gồm: Trạm thủy văn Buôn Triết thuộc xã Dur Kmäl, Trạm thủy văn Buôn Dray thuộc xã Ea Na, Trung tâm Bảo tồn Voi, cứu hộ động vật và quản lý bảo vệ rừng thuộc xã Ea Wer chưa thực hiện xử lý do có sự nhầm lẫn về số liệu. Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh nội dung này tại Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 và đề nghị các cơ quan khẩn trương bàn giao tiếp nhận tài sản, hoàn thành xử lý tài sản trước ngày 16/6/2026 (tại Công văn số 5433/STCQLG&CS ngày 12/6/2026).

- Sản phẩm thép: ước sản lượng sắt thép các loại trong quý II đạt 95.570 tấn, lũy kế 6 tháng ước đạt 185.557 tấn, đạt 52,28% kế hoạch năm; tăng 24,23% so với cùng kỳ năm 2025; sản xuất thép đã tăng cho thấy nhu cầu của thị trường đang tăng lên, đây là tín hiệu tích cực cho ngành thép cũng như sự tăng trưởng của công nghiệp trong tương lai.

- Sản phẩm sợi: nhà máy xơ sợi hoạt động ổn định, tuy nhiên dự kiến mức sản xuất trong quý II có thể giảm nhẹ so với quý I do nguồn cung nguyên liệu hạn chế. Sản lượng sản xuất trong quý II ước đạt 1.300 tấn, lũy kế 6 tháng ước đạt 2.722 tấn, đạt 53,41% kế hoạch năm, tăng 60,55% so với cùng kỳ.

- Sản xuất thuốc chữa bệnh: Nhà máy dược phẩm Asta Healthcare đã đi vào hoạt động nhưng quá trình xin cấp phép lưu hành của một số loại sản phẩm mới còn chậm, sản lượng sản xuất chưa nhiều. Tuy vậy, cùng với sự phục hồi của các nhà máy khác sau khi khắc phục hư hại do lũ lụt nên sản lượng thuốc sản xuất trong quý II có thể tăng so với quý I, ước đạt 450 triệu viên; lũy kế 6 tháng ước đạt 851 triệu viên, đạt 33,98% kế hoạch, tăng 34,51% so với cùng kỳ.

Mặc dù Chính phủ đã có nhiều chính sách vĩ mô để điều hành giá xăng dầu trong nước ở mức ổn định, tuy nhiên với mặt bằng giá cả mới đã được thiết lập sau chu kỳ tăng của giá xăng dầu trong tháng 4 đã làm suy giảm nhu cầu tiêu thụ của một số sản phẩm, như: ngành may mặc gặp tình trạng đơn hàng sụt giảm, cung ứng nguyên phụ liệu đứt gãy hoặc bị chậm làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; ngành chế biến hải sản hiện nay đã có một số công ty chế biến cá ngừ, tôm đông lạnh ngừng sản xuất do không còn nguồn nguyên liệu và doanh nghiệp cơ cấu lại ngành hàng nên tổng sản lượng các loại giảm so với kế hoạch đã xây dựng.

4.2. Đối với khu vực xây dựng:

GRDP theo giá so sánh năm 2020 ước đạt 4.781,2 tỷ đồng, đạt 90,99% kịch bản, giá trị thiếu hụt 473,65 tỷ đồng. GRDP theo giá hiện hành ước đạt 6.494 tỷ đồng, giá trị thiếu hụt 331,84 tỷ đồng so với kịch bản tăng trưởng (*trương ứng 95,14% KBTT*).

Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 6 tháng đầu năm giảm tới 12,06% so với cùng kỳ năm 2025, chỉ chiếm khoảng 24% GRDP theo giá hiện hành. Trong đó vốn đầu tư ở khu vực Nhà nước ước đạt 6.782 tỷ đồng, giảm 25,1% so với cùng kỳ và chỉ đạt 47,4% so với kịch bản đề ra; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài gần như không phát sinh công trình, dự án nào (vốn đầu tư chỉ nằm ở phần các doanh nghiệp FDI đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất); đầu tư của khu vực ngoài nhà nước (dân cư và tư nhân) gần như không tăng so với cùng kỳ và vượt 38,5% so với kịch bản đề ra, tuy nhiên phần vốn đầu tư hầu hết từ khu vực dân cư, phần vốn đầu tư từ các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn chỉ đạt khoảng 40% so với kịch bản.

a) Về giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 vẫn chưa đạt so với yêu cầu, tính đến hết ngày 05/6/2026 là 19,19%, thấp hơn bình quân chung của cả nước. Trong đó:

- Có 10/45 cơ quan, đơn vị, địa phương có tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn được giao năm 2026 cao hơn mức bình quân chung của tỉnh (19,19%), gồm: xã Krông Năng, Ban quản lý xã Ea Kiết, Ban quản lý xã Ea Ning, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ban QLDA ĐTXD Ea Kar, Ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Ban Quản lý

các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh, Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột, Ban QLDA ĐTXD Buôn Hồ.

- Có 08/45 cơ quan, đơn vị, địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp hơn mức bình quân chung của tỉnh, gồm: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban QLDA ĐTXD Tuy Hòa, Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban QLDA ĐTXD Tuy An, Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh, xã Ea Drông, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh.

- Có 27/45 cơ quan, đơn vị, địa phương chưa giải ngân, trong đó 03 đơn vị và 07 địa phương được giao vốn đầu năm, gồm: xã Ea Păl; Sở Giáo dục và Đào tạo; xã Đur Kmăl; xã Ea Ô; Sở Nội vụ; xã Ea Kar; xã Ea Ktur; xã Pong Drang; Công an tỉnh; phường Tân Lập; 01 đơn vị mới được giao vốn theo Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 05/5/2026: Văn phòng Tỉnh ủy; 02 đơn vị và 14 xã, phường mới được giao vốn theo Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 04/6/2026, gồm: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, xã Xuân Cảnh, phường Buôn Ma Thuột, phường Hòa Hiệp, phường Sông Cầu, xã Xuân Thọ, xã Dray Bhang, xã Ea Ô, xã Vụ Bôn, xã Ea Bung, xã Ea H'Leo, xã Suối Trai, xã Krông Pắc.

b) Đối với các công trình, dự án đầu tư ngoài ngân sách:

Số lượng dự án đầu tư mới của khu vực tư nhân còn ít, hầu như chưa có dự án quy mô lớn theo kịch bản tăng trưởng được triển khai thực hiện. Một số công trình, dự án động lực tăng trưởng còn gặp khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, quy hoạch, môi trường, giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, hạ tầng kỹ thuật và năng lực triển khai của nhà đầu tư, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và khả năng đóng góp cho tăng trưởng trong năm 2026.

* Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả huy động vốn đầu tư trên địa bàn đạt thấp so với kịch bản đề ra chủ yếu là do: (1) kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thấp hơn so với năm trước; (2) các dự án tuyến đường bộ cao tốc đang bước vào giai đoạn hoàn thiện nên khối lượng thi công phát sinh trong kỳ thấp hơn so với cùng kỳ; (3) Việc giải ngân vốn đầu tư còn gặp nhiều vướng mắc trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; (4) Tình hình giá nhiên liệu, đặc biệt là giá dầu, có xu hướng tăng cao, làm gia tăng chi phí đầu vào của hoạt động thi công xây dựng, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai một số dự án; (5) Hạn chế trong năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, nhà thầu do chưa chủ động, thiếu quyết liệt trong tổ chức thi công; một số xã, phường mới hình thành sau khi chuyển đổi mô hình chính quyền 02 cấp còn thiếu cán bộ phụ trách đầu tư công do đã chuyển công tác hoặc nghỉ theo chủ trương tinh giản biên chế, cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ; (6) Một số dự án đang thực hiện các thủ tục cho công tác đấu thầu, chuẩn bị ký kết Hợp đồng và xử lý các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng nên giải ngân kế hoạch vốn năm 2026 còn thấp.

(Tình hình thực hiện kịch bản huy động vốn đầu tư trên địa bàn chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

4.3. Đối với khu vực dịch vụ:

GRDP theo giá so sánh năm 2020 ước đạt 37.921,4 tỷ đồng, đạt 99,35% kịch bản, giá trị thiếu hụt 247,08 tỷ đồng. GRDP theo giá hiện hành ước đạt 47.964 tỷ đồng, vượt 989,47 tỷ đồng so với kịch bản tăng trưởng (*tương ứng 102,11% KBTT*).

Trong 6 tháng đầu năm, mặc dù số lượng khách du lịch đến tỉnh tăng cao so với cùng kỳ năm trước, các chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh các ngành dịch vụ (*như Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, Kim ngạch xuất khẩu, Tổng thu từ du lịch, ...*) đều đạt mức tăng trưởng khá, tuy nhiên chỉ tiêu Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chưa đạt kịch bản tăng trưởng đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do thị trường xăng dầu trong nước và thế giới có nhiều biến động khiến một số nhóm dịch vụ có giá trị gia tăng cao như vận tải, kho bãi, lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ ngoài công lập tăng trưởng chậm, đồng thời, tiến độ triển khai các dự án nhà ở thương mại, dịch vụ còn chậm, chưa tạo được động lực tăng trưởng cho khu vực dịch vụ.

4.4. Đối với lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:

GRDP theo giá so sánh năm 2020 ước đạt 19.879,6 tỷ đồng, đạt 99,61% kịch bản, giá trị thiếu hụt 77,68 tỷ đồng. GRDP theo giá hiện hành ước đạt 24.904 tỷ đồng, giá trị thiếu hụt 959 tỷ đồng so với kịch bản tăng trưởng (*tương ứng 96,29% KBTT*).

- Đối với lĩnh vực trồng trọt: Mặc dù năng suất, sản lượng một số loại cây trồng những tháng đầu năm vẫn tăng so với cùng kỳ (*như cao su mủ khô tăng 19,8%, điều tăng 8,5%, hồ tiêu tăng 11,8%*) nhưng chưa tạo được sự bứt phá. Các mặt hàng nông sản chủ lực có giá trị kinh tế cao như cà phê, sầu riêng chưa vào niên vụ thu hoạch nên chưa tạo ra giá trị cho tăng trưởng.

- Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Sản phẩm, năng lực tăng thêm của lĩnh vực này phụ thuộc vào 06 dự án lĩnh vực chăn nuôi dự kiến đi vào hoạt động năm 2026. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm, chưa có công trình, dự án mới nào đi vào hoạt động, chưa tạo ra được sản phẩm, doanh thu cho khu vực này.

- Đối với lĩnh vực thủy sản: Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản 6 tháng đầu năm cơ bản đảm bảo mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

- Đối với lĩnh vực lâm nghiệp: Công tác trồng rừng và phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo ngay từ đầu năm. Tuy nhiên, diện tích trồng rừng tập trung trong 6 tháng đầu năm 2026 giảm tới 33,4% so với cùng kỳ năm trước (*ước thực hiện 800ha*). Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng tập trung đạt 149.202,61m³/1.789,97ha. Các dự án đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, phát triển kinh tế rừng chưa phát huy được hiệu quả để tạo ra giá trị tăng thêm cho khu vực này.

4.5. Về hoạt động của các thành phần kinh tế:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, mặc dù số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng cao so với cùng kỳ năm trước nhưng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn chưa có nhiều khởi sắc, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và giải thể tiếp tục tăng cao (*số lượng doanh nghiệp giải thể tăng tới 147%, tạm ngừng kinh doanh tăng 16% so với cùng kỳ*).

Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mặc dù được tỉnh quan tâm đẩy mạnh nhưng đánh giá của người dân, doanh nghiệp thông qua các chỉ số PAR Index, Sipas, PCI chưa có nhiều cải thiện, kết quả năm 2025 đều ở

dưới mức trung bình cả nước⁶. Hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa mới dừng lại ở việc triển khai các hoạt động đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh; các chương trình hỗ trợ đào tạo, nâng cao sức cạnh tranh cho DNNVV, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, đổi mới mô hình quản trị,...chưa được triển khai thực hiện.

4.6. Về tình hình thu ngân sách nhà nước:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Cơ quan Thuế và các đơn vị liên quan đã chủ động rà soát, tiếp tục thực hiện công tác quản lý đối với hộ kinh doanh thương mại điện tử, hộ kê khai, triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền,... Đồng thời, tăng cường quản lý thu NSNN, chống thất thu thuế, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp thuộc ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao về thuế; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế, thực hiện đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, hỗ trợ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho NNT trên địa bàn được tiếp cận và thực hiện tốt các chính sách pháp luật về thuế.

Một số khoản thu đạt mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước và vượt so với kịch bản đề ra (như: thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tăng 48% so với cùng kỳ và vượt 17% so với kịch bản; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 37% so với cùng kỳ và vượt 42% so với kịch bản; thuế thu nhập cá nhân tăng 15% so với cùng kỳ và vượt 11% kịch bản; thu từ hoạt động xổ số tăng 24% so với cùng kỳ và vượt 8% kịch bản,...). Tuy nhiên, kết quả tổng thu ngân sách nhà nước vẫn chưa đạt kịch bản đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Tiến độ thu tiền đất với cho thuê đất một lần chưa đạt kịch bản đề ra, mới thu đạt 29% dự toán HĐND tỉnh giao năm 2026 và chỉ đạt 61% kịch bản thu tiền sử dụng đất 6 tháng đầu năm, chủ yếu thu từ chuyển quyền sử dụng đất của người dân và thu nợ tiền đấu giá quyền sử dụng đất của năm 2025 (trên 100 tỷ đồng); chưa thu được từ các dự án dự kiến bán đấu giá năm 2026 (6.090 tỷ đồng).

- Khoản nợ tiền thuê đất của các doanh nghiệp sản xuất cà phê (có liên quan kiến nghị kiểm toán nhà nước) còn kéo dài dẫn đến thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương quản lý chưa đạt kịch bản đề ra.

- Một số doanh nghiệp khai thác khoáng sản chưa chấp hành đúng quy định về hoạt động khai thác khoáng sản, ý thức chấp hành pháp luật thuế chưa cao, dẫn đến việc kê khai sản lượng khai thác, giá tính thuế chưa đúng quy định. Hiện nay còn một số dự án mỏ trúng đấu giá (phía Đông Đắk Lắk) đã được UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nhưng đến nay dự án chưa hoạt động do chưa được cấp giấy phép khai thác nên còn nợ đọng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nguyên nhân chủ yếu là do có vướng mắc về giải phóng mặt bằng. Đây là một trong những nguồn thu trọng yếu của khoản thu từ cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh trong năm 2026.

⁶ Năm 2025, Chỉ số PCI của tỉnh đạt 62,46 điểm, xếp thứ 23/34 tỉnh, thành phố trên cả nước, thuộc nhóm điều hành “dưới mức khá”; Chỉ số Par INDEX đạt 89,38/100 điểm, xếp vị thứ 22/34 tỉnh, thành phố (dưới mức trung bình là 89,96%); Chỉ số SIPAS năm 2025 của tỉnh Đắk Lắk đạt 81,53%, xếp vị thứ 26/34 tỉnh, thành phố (trung bình chung của cả nước 83,09%).

* **Nhìn chung**, việc thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2026 của tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai đồng bộ. Hầu hết các chỉ tiêu phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh theo giá hiện hành đều tăng so với cùng kỳ và vượt kịch bản đề ra nhưng chưa đáng kể, chưa có đột phá, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra để đạt mục tiêu tăng trưởng 02 con số năm 2026 và cả giai đoạn 2026 – 2030.

Trong công tác rà soát, tính toán kịch bản tăng trưởng, xác định từng nguồn lực đầu vào, động lực mới để tạo giá trị tăng thêm cho tăng trưởng đối với khu vực dịch vụ và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản còn gặp nhiều khó khăn, chưa rõ nét, chưa cụ thể được mức độ đóng góp của từng ngành, lĩnh vực vào tăng trưởng chung của khu vực này. Theo quy định hiện hành, chỉ tiêu GRDP do Cục Thống kê tính toán và công bố theo quý, trong khi công tác chỉ đạo, điều hành tăng trưởng của tỉnh được thực hiện theo tháng, thậm chí theo tuần đối với một số lĩnh vực, dự án trọng điểm. Bên cạnh đó, hệ thống dữ liệu đầu vào và các chỉ số giá phục vụ phân tích giá trị tăng thêm chưa được cập nhật theo tần suất tháng. Do đó, việc đánh giá kịp thời mức độ chuyển hóa từ tăng trưởng sản lượng sang tăng trưởng giá trị tăng thêm; nhận diện các nguyên nhân làm GRDP tăng chưa tương xứng với tốc độ tăng IIP hoặc tăng trưởng thương mại - dịch vụ còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến công tác dự báo, cảnh báo sớm và tham mưu điều hành tăng trưởng.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu 6 tháng cuối năm:

Với kết quả tăng trưởng GRDP của tỉnh năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 đều không đạt kế hoạch, kịch bản đề ra (năm 2025 đạt 6,68% và 6 tháng ước đạt 8,01%), trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp, khó lường, những điểm nghẽn trong thời gian qua của tỉnh chưa được giải quyết triệt để thì dự báo việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng của tỉnh năm 2026 đạt 10% trở lên và bình quân giai đoạn 2026 – 2030 đạt từ 11% trở lên là rất khó khăn, thách thức.

Để hoàn thành mục tiêu cả năm đề ra, UBND tỉnh xác định kế hoạch 6 tháng cuối năm thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau:

1.1. Giá trị tổng sản phẩm (GRDP theo giá so sánh năm 2020) trong 6 tháng cuối năm 2026 dự kiến đạt 109.376 tỷ đồng, tăng trưởng GRDP từ 11,61% trở lên.

1.2. Cơ cấu GRDP theo giá hiện hành đảm bảo theo định hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, cụ thể: (1) Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 37,31%; (2) Công nghiệp – Xây dựng chiếm 18,99%; (3) Dịch vụ chiếm 40,04%; (4) Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,66%

1.3. Các chỉ tiêu KTXH chủ yếu 6 tháng còn lại năm 2026:

- (1) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt trên 57.035 tỷ đồng.
- (2) Tổng thu ngân sách nhà nước đạt trên 10.958 tỷ đồng.
- (3) Lũy kế chỉ số sản xuất công nghiệp duy trì tăng trên 12,13%.
- (4) Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt trên 116.680 tỷ đồng.

(5) Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1.345 triệu USD.

(6) Tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 290 triệu USD.

(7) Doanh thu du lịch đạt trên 9.078 tỷ đồng.

2. Yêu cầu đặt ra đối với từng khu vực, động lực tăng trưởng:

2.1. Đối với khu vực công nghiệp:

a) Về yêu cầu:

- GRDP theo giá so sánh năm 2020 trong 6 tháng cuối năm khu vực công nghiệp phải đạt 38.563,8 tỷ đồng; tăng trưởng GRDP đạt từ 18,69% trở lên (*giá trị tăng thêm tương ứng so với cùng kỳ là 2.259 tỷ đồng*).

- GRDP theo giá hiện hành 6 tháng cuối năm khu vực công nghiệp phải đạt 15.960 tỷ đồng (*giá trị tăng thêm tương ứng so với cùng kỳ là 2.340 tỷ đồng*).

b) Nhiệm vụ huy động nguồn lực tạo giá trị tăng thêm:

- Tiếp tục theo dõi tình hình sản xuất của các nhà máy hiện có, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn để duy trì vận hành ổn định, đóng góp vào giá trị tăng thêm ngành công nghiệp như: Tinh bột sắn, đường tinh luyện, cao su, thép cán, bia - nước giải khát, chế biến thủy sản, cà phê và các sản phẩm nông sản chế biến khác; đảm bảo mức tăng trưởng của Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP 6 tháng cuối năm phải đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng lĩnh vực này.

- Đôn đốc tiến độ hoàn thiện thủ tục và đưa vào vận hành thương mại 3 tuabin còn lại của dự án điện gió Cư Né 1 và các dự án điện gió Krông Búk 1 và Krông Búk 2; phối hợp rà soát tình hình sản xuất của các doanh nghiệp công nghiệp chủ lực, kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc về nguyên liệu, thị trường, hạ tầng và các điều kiện sản xuất để tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo giải quyết.

- Theo dõi sát tiến độ triển khai thực hiện 17 dự án công nghiệp dự kiến đi vào vận hành trong 6 tháng cuối năm với tổng mức đầu tư khoảng 6.166 tỷ đồng, tạo thêm doanh thu ước khoảng 1.174 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo*).

- Tiếp tục rà soát, cập nhật và đôn đốc tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm, động lực tăng trưởng lĩnh vực công nghiệp; xác định rõ các khó khăn, vướng mắc, cơ quan chủ trì xử lý và thời hạn hoàn thành đối với từng dự án; kịp thời triển khai các giải pháp tháo gỡ nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm đưa các dự án vào hoạt động, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2.2. Đối với khu vực xây dựng:

a) Về yêu cầu:

- GRDP theo giá so sánh năm 2020 trong 6 tháng cuối năm khu vực xây dựng phải đạt 8.291,68 tỷ đồng; tăng trưởng GRDP đạt từ 37,52% trở lên (*giá trị tăng thêm tương ứng là 2.262 tỷ đồng*).

- GRDP theo giá hiện hành 6 tháng cuối năm khu vực xây dựng phải đạt 10.590 tỷ đồng (*giá trị tăng thêm tương ứng so với cùng kỳ là 2.679 tỷ đồng*).

b) Nhiệm vụ huy động nguồn lực tạo giá trị tăng thêm:

- Tập trung giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công được giao năm 2026 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2026 và kế hoạch vốn năm 2025 được phép kéo dài sang năm 2026). Mục tiêu theo từng nhóm dự án cụ thể như sau:

+ Đối với các dự án sử dụng vốn kéo dài từ năm 2025 sang năm 2026: Phần đầu giải ngân cơ bản hoàn thành kế hoạch vốn 2025 kéo dài sang năm 2026 trước ngày 31/10/2026.

+ Đối với các dự án thuộc kế hoạch vốn năm 2026: Phần đầu đến ngày 30/9/2026 giải ngân đạt 80% kế hoạch; đến ngày 31/01/2027 giải ngân đạt 100% kế hoạch theo quy định.

- Thiết lập cơ chế “Báo động đỏ” và chế tài xử lý nghiêm khắc đối với các chủ đầu tư được giao số vốn lớn có kết quả giải ngân hàng ngày, hàng tuần không đạt mức giải ngân bình quân của tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu tiền sử dụng đất, trong đó tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hạ tầng các khu dân cư, khu tái định cư và các dự án tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất; đồng thời yêu cầu các đơn vị, địa phương được giao thu tiền sử dụng đất tại Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND tỉnh, khẩn trương xây dựng kế hoạch thu tiền sử dụng đất theo từng tháng, quý.

- Tháo gỡ nút thắt trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; chỉ đạo các địa phương, chủ đầu tư và các đơn vị liên quan rà soát toàn diện tiến độ giải phóng mặt bằng, hoàn thiện phương án bồi thường, bố trí quỹ tái định cư, bảo đảm đạt sự đồng thuận cao của người dân; gắn trách nhiệm của các đồng chí Bí thư, Chủ tịch UBND các xã, phường trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án trên địa bàn.

- Yêu cầu các đơn vị, chủ đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư để giao chi tiết toàn bộ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026; lập kế hoạch giải ngân; nâng cao năng lực và trách nhiệm của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án và nhà thầu; tiếp tục rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công để đảm bảo bám sát năng lực thực tế của các chủ đầu tư và dự án; chủ động xây dựng kịch bản giải ngân phù hợp với tình hình thực tế triển khai từng dự án và năng lực của các nhà thầu thi công chi tiết hàng tháng, hàng quý gắn với nhiệm vụ trong kịch bản tăng trưởng.

- Chủ động theo dõi, dự báo biến động giá vật liệu, nhiên liệu và nguồn cung; huy động đủ máy móc, thiết bị và nhân lực cho các công trình trọng điểm.

- Khẩn trương hoàn thành rà soát, đề xuất phương án xử lý đối với từng dự án, công trình chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoàn thành việc xây dựng phương án xử lý trước ngày 15/6/2026 và kết thúc việc xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quý III/2026 theo đúng ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Bám sát kịch bản huy động nguồn lực từ khu vực đầu tư ngoài ngân sách để triển khai thực hiện. Trong đó đặc biệt quan tâm, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án có thể triển khai thực hiện ngay trong năm như các dự án năng lượng đã có trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến, thu hút đầu tư các dự án năng lượng trên địa bàn theo lộ trình phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các dự án đã bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý và điều kiện triển khai. Trong đó:

+ Đối với 13 dự án⁷ đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư: Tập trung đôn đốc, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục để các nhà đầu tư sớm triển khai thực hiện; ưu tiên tập trung hỗ trợ các dự án quy mô lớn, bảo đảm đủ điều kiện khởi công/khởi động ngay trong tháng 06/2026.

+ Đối với 12 dự án⁸ đang kêu gọi đầu tư: Tiếp tục triển khai việc tiếp nhận hồ sơ đề xuất đầu tư, khẩn trương rà soát, thực hiện các quy trình, thủ tục đầu tư theo quy định, phấn đấu hoàn thiện thủ tục để đảm bảo điều kiện chấp thuận chủ trương đầu tư, triển khai dự án ngay trong năm 2026.

2.3. Khu vực dịch vụ:

a) Về yêu cầu:

- GRDP theo giá so sánh năm 2020 trong 6 tháng cuối năm khu vực dịch vụ phải đạt 44.923,86 tỷ đồng; tăng trưởng GRDP đạt từ 10,65% trở lên (*giá trị tăng thêm tương ứng là 4.322 tỷ đồng*).

- GRDP theo giá hiện hành 6 tháng cuối năm khu vực dịch vụ phải đạt 53.712 tỷ đồng (*giá trị tăng thêm tương ứng so với cùng kỳ là 3.980 tỷ đồng*).

b) Nhiệm vụ huy động nguồn lực tạo giá trị tăng thêm:

Nguồn lực của khu vực dịch vụ chủ yếu dựa trên kết quả thực hiện tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu; các hoạt động phát triển du lịch sẽ tác động, thúc đẩy các ngành dịch vụ. Để huy động nguồn lực tạo giá trị tăng thêm khu vực này trong 6 tháng cuối năm, cần thực hiện một số nhiệm vụ sau:

⁷ Gồm: - **Điện gió:** Có 09 dự án (có 12 Nhà máy) với tổng công suất 534,9MW, gồm: (1) Dự án Nhà máy điện gió Cur Né 1, công suất 50MW; (2) Dự án Nhà máy điện gió Cur Né 2, công suất 50MW; (3) Dự án Nhà máy điện gió Krông Búk 1, công suất 50MW; (4) Dự án Nhà máy điện gió Krông Búk 2, công suất 50MW; (5) Dự án Nhà máy điện gió Buôn Hồ 1, công suất 20MW, Nhà máy điện gió Buôn Hồ 2, công suất 20MW và Nhà máy điện gió Cur M'gar 2, công suất 10MW; (6) Dự án Nhà máy điện gió Ea H'leo 3, công suất 10MW và Nhà máy điện gió Ea H'leo 4, công suất 10MW; (7) Dự án Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3, công suất 15MW; (8) Dự án Trang trại phong điện HBRE An Thọ - Giai đoạn 1, công suất 200MW; (9) Dự án Nhà máy điện gió xanh Sông Cầu, công suất 49,9MW.

- **Điện mặt trời:** Có 02 dự án với tổng công suất 374MW, gồm: (1) Dự án điện mặt trời nổi KN Srepôk 3, công suất 304MW; (2) Dự án điện mặt trời Tây Hòa 3, công suất 70MW.

- **Thủy điện:** Có 01 dự án Thủy điện Ea Tih, công suất 8,6MW.

- **Điện sinh khối:** Có 01 dự án Nhà máy điện sinh khối KCP Phú Yên - Giai đoạn 2, công suất 45MW.

⁸ Gồm: (1) Nhà máy điện gió Easin 1, công suất 100MW; (2) Nhà máy điện gió Krông Búk 3, công suất 100MW; (3) Nhà máy điện gió Thuận Phong Đắk Lắk, công suất 100MW; (4) Nhà máy điện gió Tân Lập - Ea Hồ, công suất 50MW; (5) Nhà máy điện gió Cur Pong 1, 2, công suất 80MW; (6) Nhà máy điện gió Krông Năng 1.1 và 1.2, công suất 80MW; (7) Nhà máy điện gió NT 1; NT 2, công suất 75MW; (8) Nhà máy điện gió Ea Sin, công suất 77MW; (9) Nhà máy điện gió Xanh Nam Việt, công suất 48MW; (10) Nhà máy điện gió LRSH Sơn Hòa giai đoạn 1, công suất 82MW; (11) Nhà máy điện sinh khối Phú Yên, công suất 30MW; (12) Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và phát điện Trung An, công suất 15MW.

- Thực hiện các chương trình, chính sách thúc đẩy tiêu dùng nội địa, xuất khẩu, quản lý giá tiêu dùng, không để tình trạng tăng giá quá cao; kích cầu du lịch, đặc biệt là quý III/2026 và những tháng cao điểm của mùa du lịch biển nhằm thúc đẩy tăng trưởng doanh thu ngành lưu trú, ăn uống, lễ hành.

- Tập trung khai thác nhu cầu tiêu dùng nhân các sự kiện lớn trong năm (Khai giảng năm học 2026-2027; Tết Trung thu; Quốc khánh 2/9,..) và mùa vụ sầu riêng, bơ và các nông sản chủ lực; chuẩn bị và tổ chức Lễ hội Sầu riêng Đắc Lắc năm 2026, kết hợp quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ nông sản chủ lực.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đưa sản phẩm của tỉnh vào hệ thống phân phối, siêu thị, sàn thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia các hội chợ thương mại, tuần lễ giới thiệu sản phẩm, hội nghị kết nối cung cầu tại các tỉnh, thành trên cả nước để tăng cường quảng bá sản phẩm địa phương; tăng cường tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại, hội nghị kết nối cung cầu trong và ngoài tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường trong mùa vụ nông sản, bảo đảm chất lượng và nguồn gốc hàng hóa.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh triển khai các hoạt động khuyến mại nhằm kích cầu tiêu dùng, phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân trong dịp cuối năm và Tết Nguyên đán; triển khai Tháng Khuyến mại tập trung quốc gia năm 2026 trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu, hội chợ, triển lãm thương mại nhằm hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; nắm bắt tình hình diễn biến thị trường, đảm bảo nguồn cung hàng hóa thiết yếu. Chỉ đạo các doanh nghiệp chủ động dự trữ hàng hóa, đặc biệt là nhu yếu phẩm trong các dịp cao điểm như Tết Nguyên đán nhằm tránh tình trạng khan hiếm nguồn hàng hoặc tăng giá đột biến; khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức các phiên chợ hàng Việt về nông thôn, bán hàng lưu động tại xã trên địa bàn tỉnh nhằm giúp người dân dễ tiếp cận sản phẩm nội địa chất lượng.

- Tăng cường công tác phối hợp với Bộ, ngành Trung ương để nắm bắt thông tin thị trường; đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, thông tin, định hướng doanh nghiệp, chuyển mạnh hoạt động xuất khẩu, nhất là xuất khẩu các mặt hàng nông sản và trái cây trên địa bàn tỉnh theo hình thức chính ngạch, bền vững.

- Khai thác và phát triển có hiệu quả và quản lý tốt hoạt động thị trường thương mại điện tử trên địa bàn.

- Vận động, mạnh dạn đăng cai tổ chức, đưa các sự kiện, hoạt động văn hóa lớn về địa phương vào các dịp lễ, kỳ nghỉ dài ngày để tăng lượng khách du lịch và tổ chức tuyên truyền hiệu quả Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư tỉnh Đắc Lắc, Lễ hội Sầu riêng Đắc Lắc năm 2026, các hoạt động trong khuôn khổ lễ hội,...; khảo sát, phát triển các sản phẩm du lịch mới để phục vụ khách du lịch đến với Đắc Lắc; tạo điều kiện phát triển hiệu quả mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và các dự án đầu tư du lịch gắn với quản lý, bảo vệ rừng.

- Thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của

Chính phủ và giảm lãi suất vay theo quy định; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn ngân hàng để kích cầu người dân và doanh nghiệp vay vốn đầu tư sản xuất kinh doanh,...

2.4. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:

a) Yêu cầu:

- GRDP theo giá so sánh năm 2020 trong 6 tháng cuối năm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phải đạt 38.563,8 tỷ đồng; tăng trưởng GRDP đạt từ 6,19% trở lên (*giá trị tăng thêm tương ứng so với cùng kỳ là 2.248 tỷ đồng*).

- GRDP theo giá hiện hành 6 tháng cuối năm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phải đạt 69.837 tỷ đồng (*giá trị tăng thêm tương ứng so với cùng kỳ là 8.126 tỷ đồng*).

b) Nhiệm vụ huy động nguồn lực tạo giá trị tăng thêm:

Nhiệm vụ trong 6 tháng cuối năm là tiếp tục đẩy mạnh, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, đồng thời tập trung thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới, nâng cao chất lượng tăng trưởng, trọng tâm là đẩy mạnh hỗ trợ các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường sớm triển khai và đi vào hoạt động trong năm 2026. Trong đó:

- Trồng trọt (chiếm khoảng 70% cơ cấu): Tiếp tục là động lực chủ lực của toàn ngành, tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực có giá trị kinh tế cao như cà phê, sầu riêng; đẩy mạnh sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng, ứng dụng công nghệ cao, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt là thị trường xuất khẩu.

- Chăn nuôi (chiếm khoảng 20% cơ cấu): Tăng cường chuyển dịch theo hướng chăn nuôi trang trại, quy mô lớn, an toàn sinh học; tập trung kiểm soát dịch bệnh, ổn định đàn vật nuôi; đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ các dự án chăn nuôi quy mô lớn để sớm đưa vào hoạt động, góp phần nâng cao sản lượng và giá trị gia tăng. Từ nay đến cuối năm, dự kiến có 06 dự án đủ điều kiện đưa vào hoạt động, tổng mức đầu tư các dự án khoảng 1.681 tỷ đồng. Các dự án này đi vào hoạt động dự kiến sẽ tạo ra giá trị khoảng 791 tỷ đồng để đóng góp cho tăng trưởng của khu vực này.

- Thủy sản và lâm nghiệp (chiếm khoảng 10% cơ cấu): Phát triển theo hướng bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản hiệu quả, gắn với chế biến và tiêu thụ; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, góp phần duy trì tăng trưởng ổn định của khu vực.

2.5. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm:

a) Yêu cầu:

- GRDP theo giá so sánh năm 2020 trong 6 tháng cuối năm khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm phải đạt 3.256 tỷ đồng; tăng trưởng GRDP đạt từ 6,62% trở lên (*giá trị tăng thêm tương ứng so với cùng kỳ là 202 tỷ đồng*).

- GRDP theo giá hiện hành 6 tháng cuối năm khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm phải đạt 4.595 tỷ đồng (*giá trị tăng thêm tương ứng so với cùng kỳ là 178 tỷ đồng*).

b) Nhiệm vụ huy động nguồn lực tạo giá trị tăng thêm:

Kịch bản tăng trưởng của khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm trong 6 tháng cuối năm 2026 được xây dựng theo hướng **phục hồi và tăng dần**, bám sát diễn biến của các khu vực kinh tế thực. Mức tăng trưởng không cao nhưng ổn định, phản ánh hiệu quả của hoạt động sản xuất, lưu thông hàng hóa và tiêu dùng trong nền kinh tế. Việc hoàn thành kịch bản này phụ thuộc chủ yếu vào tốc độ tăng trưởng của các khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, cũng như công tác quản lý thu ngân sách, chống thất thu và mở rộng cơ sở thuế trong thời gian còn lại của năm.

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Các Sở, ban, ngành, địa phương:

- Chủ động tổ chức điều hành, triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh trong 6 tháng cuối năm 2026, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2026 của tỉnh đã đề ra, đặc biệt phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt từ 10% trở lên.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá việc thực hiện kịch bản tăng trưởng 6 tháng đầu năm của cơ quan, đơn vị mình. Bám sát kế hoạch, yêu cầu tại mục 1 và mục 2 phần II báo cáo này để xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng tháng, từng quý 6 tháng cuối năm 2026 để triển khai thực hiện.

Lưu ý ngoài việc xây dựng kịch bản tăng trưởng GRDP của ngành mình theo từng Quý, phải xây dựng kịch bản điều hành cụ thể, chi tiết theo từng tháng đối với các chỉ tiêu KTXH do ngành, đơn vị mình phụ trách và có cam kết về việc thực hiện các nhiệm vụ để bảo đảm hoàn thành kịch bản tăng trưởng đề ra.

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã cam kết; chủ động xử lý, phối hợp xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

- Định kỳ (hàng tháng, quý và năm) báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng của cơ quan, đơn vị mình cùng với báo cáo kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tỉnh Đắk Lắk, gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) theo quy định.

3.2. Thống kê tỉnh nghiên cứu, hoàn thiện công cụ theo dõi, đánh giá mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh (*nghư chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, kim ngạch xuất nhập khẩu, ...*) với GRDP của từng khu vực kinh tế để phục vụ công tác dự báo, phân tích xu hướng và cảnh báo sớm các biến động ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

3.3. Đối với kịch bản tăng trưởng của 102 xã, phường:

- Giao Thống kê tỉnh phối hợp với Sở Tài chính triển khai phân bổ, thông báo quy mô tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn 102 xã, phường; định kỳ hàng tháng, quý, năm, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện 09 chỉ tiêu của cấp xã trong báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Giao UBND các xã, phường xây dựng kịch bản điều hành kinh tế chi tiết theo từng tháng, quý đối với 09 chỉ tiêu thực hiện trên địa bàn xã, phường để có cơ sở tính toán và đảm bảo hoàn thành mục tiêu tăng trưởng hai con số năm 2026 theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 7691/UBND-TH ngày 01/6/2026.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh về kết quả việc triển khai kịch bản điều hành nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2026, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 đạt 10% trở lên./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TTTU; TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Mặt trận và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các CQTW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (ĐH)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Công Thái